TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2024/HNGĐ-ST.
Ngày 05/01/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và ông Nguyễn Duy Chung.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 289/2023/TLST- HNGĐ, ngày 12/10/2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-HS ngày 21/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị V**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hà Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn K qua thời gian tự do tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 17/5/2019 và được tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn A, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình

chung sống sau khi kết hôn được mấy tháng thì hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế; có lối sống, suy nghĩ không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung; thiếu sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh K đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Hà Thị V xác định, chị và anh Nguyễn Văn K có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 19/9/2002, hiện nay cháu Đ còn bé chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ, không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Hà Thị V xác định chị và anh Nguyễn Văn K không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Anh và chị Hà Thị V qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/5/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng được một năm thì hai vợ chồng có nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về cách sống và cách làm ăn nên hay cãi nhau và chửi nhau, năm 2022 chị V đã bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ chị V, thực tế hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau; không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị V đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị V yêu cầu xin ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn K xác định, anh và chị Hà Thị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 19/9/2022. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị V do chị V chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh nhất trí và đề nghị giao cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh Nguyễn Văn K xác định, anh và chị V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; vắng mặt tại phiên họp; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Vân x cho chị Hà Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 19/9/2022 cho chị Hà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh K cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị Toà án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn A, xã X và Công an xã X.

Chị Hà Thị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án vì lý do anh K nhiều lần không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Hà Thị V và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh Nguyễn Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên

Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh K và chị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Hà Thị V và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị V đề nghị ly hôn, anh K cũng nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh K là đúng thực tế, hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cả hai cùng xác định đã không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị V và anh K đều nhất trí ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị V. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hà Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[2.2] *Về con chung:*

Quá trình chung sống, giữa chị V và anh K có 01 con chung là cháu: Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 19/9/2022. Chị V đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hà Minh Đ, không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Tính đến thời điểm xét xử cháu Nguyễn Hà Minh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi (được 16 tháng tuổi), tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".*

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn A, xã X, huyện Y và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện: Cháu Nguyễn Hà Minh Đ hiện nay đang ở cùng chị V, chị V có chỗ ở ổn định, hiện nay làm các công việc tự do buôn bán, có thu nhập ổn định, mức thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng, chị V đảm bảo các

điều kiện để nuôi con; còn đối với anh Nguyễn Văn K hiện nay ở nhà làm công việc sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, tuy nhiên mức thu nhập không ổn định; anh K cũng nhất trí và đề nghị giao cháu Nguyễn Hà Minh Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của các con và ưu tiên bảo đảm lợi ích của các con, cần giao cháu Nguyễn Hà Minh Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cũng như phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hà Thị V không yêu cầu anh K cấp dưỡng, nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh K đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Nguyễn Văn K không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Hà Thị V với anh Nguyễn Văn K.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hà Minh Đ, sinh ngày 19/9/2022 cho chị Hà Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000712, ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị V đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn K không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Xuân Vân (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Tiến Hào **Đặng Thị Huệ** **Vũ Mạnh Hồng**